

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
3. Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2013	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn, sau đây gọi tắt là (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

1. Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phan Lê Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Võ Tá Quế	Thành viên
Ông Đoàn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/3/2013)
Ông Lê Xuân Lộc	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên
Ông Lương Hoài Nam	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 28/3/2013)
Ông Bùi Á Đông	Trưởng ban
Ông Khoa Đăng Lưu	Thành viên
Bà Trần Thị Huyền Trân	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hiến Phụng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc

3. Các hoạt động chính

Dịch vụ giao nhận, bốc xếp hàng hóa. Lưu giữ hàng hóa. Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Kinh doanh bất động sản.

4. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2013 và kết quả hoạt động cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 được trình bày từ trang 05 đến trang 26.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

8. Các cam kết khác

Theo Công văn số 657/Cty.TC ngày 10/02/2012 của Công ty Sửa chữa Máy bay A41 - Bộ Quốc Phòng thì Công ty phải phân phối một khoản lợi nhuận cố định hàng năm cho Công ty Sửa chữa Máy bay A41 được tính từ năm 2013. Theo Công văn số SCSC13/A41/CV/319 ngày 20/7/2013 của Công ty gửi Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, Công ty đang thỏa thuận về việc tính lợi nhuận từ năm 2012 và thanh toán lợi nhuận từ năm 2014 (lợi nhuận cố định hàng năm là 1,242,236.00 USD). Tính đến ngày 30/6/2013, Công ty vẫn chưa tích lũy khoản lợi nhuận phải trả nào cho Công ty Sửa chữa Máy bay A41. Việc quyết toán cụ thể khoản lợi nhuận phân phối sẽ được hai bên bàn bạc và thương lượng.

Theo Thỏa thuận nguyên tắc thành lập Công ty ngày 17/8/2008, Công ty Sửa chữa Máy bay A41 góp 72 tỷ đồng gồm: 71,9 tỷ đồng bằng tiền thuê 14,3 ha đất quốc phòng tại số 6, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh (Nay là khu đất thuộc địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM) theo giá quy định hiện hành của Nhà nước, ổn định trong 15 năm, 05 tháng đầu / thời hạn 49 năm của dự án và 100 triệu bằng tiền mặt. Hiện tại, Công ty vẫn đang phân bổ tiền thuê khu đất này tương ứng với 49 năm.

9. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

10. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

Vào ngày lập báo cáo này, Công ty tin tưởng rằng có khả năng hoàn trả các khoản nợ của Công ty khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phan Lê Hoàn

Ngày 05 tháng 8 năm 2013



Số: 111/BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn tại ngày 30/6/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 được lập ngày 05 tháng 8 năm 2013, từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

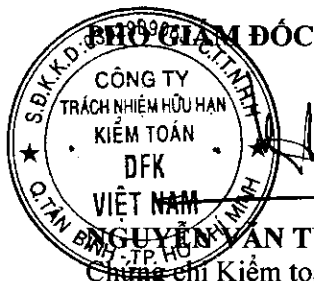
Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Như được chú thích tại mục 12(*) – Phần V – Trang 17 – Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa tính và tích lũy lãi chậm thanh toán phải trả Công ty CP Xây dựng Cotec (Coteccons) kể từ ngày 01/7/2012 đến ngày thanh toán hết công nợ (27/02/2013) với số tiền lãi là 4.864.796.292 đồng do Công ty đang thương lượng với Coteccons về việc không phải tính lãi do chậm thanh toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng như đã nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



NGUYỄN VĂN TUYẾN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ.0111/KTV
Tp. HCM, ngày 05 tháng 8 năm 2013

KIỂM TOÁN VIÊN



HỒ ĐẮC HIẾU

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0458/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	01/01/2013
A. Tài sản ngắn hạn	100		33.653.166.816	14.171.941.616
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	16.306.651.387	2.294.582.569
1. Tiền	111		11.506.651.387	2.294.582.569
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.800.000.000	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.02	16.590.948.100	11.176.826.417
1. Phải thu khách hàng	131		15.368.855.084	10.410.221.340
2. Trả trước cho người bán	132		1.193.685.183	714.737.002
3. Các khoản phải thu khác	135		28.407.833	51.868.075
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		4.056.272	7.312.742
1. Hàng tồn kho	141		4.056.272	7.312.742
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.03	751.511.057	693.219.888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		424.316.772	579.414.466
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		30.968.524	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		296.225.761	113.805.422
B. Tài sản dài hạn	200		982.297.790.423	1.008.691.477.803
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		900.494.929.285	927.247.684.536
1. TSCĐ hữu hình	221	V.04	829.815.076.744	851.280.748.017
- Nguyên giá	222		900.649.953.194	903.265.937.911
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.834.876.450)	(51.985.189.894)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.05	56.674.744.608	59.431.227.458
- Nguyên giá	225		64.851.658.199	64.851.658.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.176.913.591)	(5.420.430.741)
3. TSCĐ vô hình	227	V.06	12.242.294.455	13.232.626.060
- Nguyên giá	228		15.124.562.285	15.186.805.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.882.267.830)	(1.954.179.323)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.762.813.478	3.303.083.001
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.07	81.802.861.137	81.443.793.267
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		78.354.096.137	77.995.028.267
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.448.765.000	3.448.765.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.015.950.957.239	1.022.863.419.419

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	01/01/2013
A. Nợ phải trả	300		607.381.695.700	669.647.587.361
I. Nợ ngắn hạn	310		46.252.864.491	83.335.040.983
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	31.819.597.664	17.291.574.400
2. Phải trả cho người bán	312	V.09	4.313.551.818	54.649.406.139
3. Người mua trả tiền trước	313	V.09	1.155.327	1.031.916
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	939.944.862	507.448.286
5. Phải trả người lao động	315	V.11	2.157.613.359	1.726.259.898
6. Chi phí phải trả	316	V.12	5.132.175.179	7.069.751.313
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	1.696.384.440	1.847.127.189
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		192.441.842	242.441.842
II. Nợ dài hạn	330	V.14	561.128.831.209	586.312.546.378
1. Phải trả dài hạn khác	333		5.717.342.855	3.781.772.286
2. Vay và nợ dài hạn	334		503.686.468.163	525.165.132.900
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		51.725.020.191	57.365.641.192
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.15	408.569.261.539	353.215.832.059
I. Vốn chủ sở hữu	410		408.569.261.539	353.215.832.059
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		480.000.000.000	425.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		644.128.916	644.128.916
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		460.428.661	460.428.661
4. Lợi nhuận (lỗ) chưa phân phối	420		(72.535.296.038)	(72.888.725.518)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.015.950.957.239	1.022.863.419.420

CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	108,435.41	1,024.74
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP HCM, ngày 05 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Anh Thư



Lê Xuân Lộc



Nguyễn Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		96.480.350.850	56.083.408.846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	96.480.350.850	56.083.408.846
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	31.067.012.232	36.701.730.083
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.413.338.618	19.381.678.763
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	263.160.978	79.505.468
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	34.543.849.391	51.962.323.055
- Trong đó: Chi phí lãi vay ngân hàng	23		29.226.266.684	41.988.635.514
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	30.542.320.214	19.559.807.379
10. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		590.329.992	(52.060.946.203)
11. Thu nhập khác	31	VI.06	365.179.476	11.901.194.834
12. Chi phí khác	32	VI.07	602.079.987	11.157.482.663
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		(236.900.511)	743.712.171
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế	50		353.429.481	(51.317.234.032)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	432.259.683
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	60		353.429.481	(51.749.493.715)
18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70		7	


Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP HCM, ngày 05 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Ngô Thị Anh Thư


 Lê Xuân Lộc




 Nguyễn Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	353.429.481	(51.317.234.032)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	24.474.459.254	30.527.916.485
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.705.298.758	1.599.738.700
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(263.160.978)	(198.162.831)
Chi phí lãi vay	06	29.226.266.684	41.988.635.514
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	55.496.293.199	22.600.893.836
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(5.586.164.757)	(4.634.584.747)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	3.256.469	(1.058.627)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(52.905.972.395)	8.455.130.993
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	1.956.820.420	(8.776.454.852)
Tiền lãi vay đã trả	13	(31.169.068.377)	(41.871.292.350)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(44.592.650)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(641.011.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(32.204.835.442)	(24.912.969.396)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(374.744.599)	(13.233.981.547)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	11.104.197.768
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	263.160.978	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(111.583.621)	(2.129.783.779)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	55.000.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	36.186.898.580
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.645.787.200)	(9.299.116.502)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(2.000.000.000)	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	46.354.212.800	26.387.782.078
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	14.037.793.738	(654.971.098)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.294.582.569	4.071.408.206
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(25.724.920)	(40.418.114)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.306.651.387	3.376.018.994

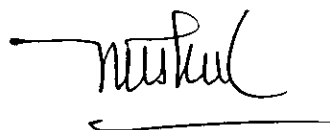
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

TP HCM, ngày 05 tháng 8 năm 2013

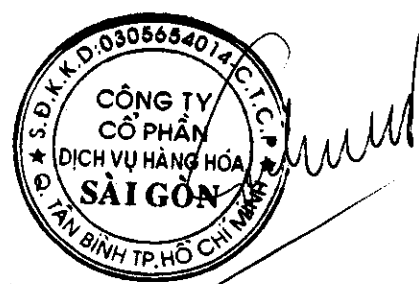
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









Ngô Chi Anh Thư

Lê Xuân Lộc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009937 ngày 08/4/2008, và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/6/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 480.000.000.000 đồng.

2 Tên giao dịch và trụ sở

Tên Công ty bằng tiếng Anh: Saigon Cargo Service Corporation

Tên Công ty viết tắt: SCSC

Trụ sở chính đặt tại: 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

3 Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại - Dịch vụ

4 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa. Kinh doanh bất động sản. Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không. Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng - công nghiệp. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Lưu giữ hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá hối đoái bình quân tại ngày 30/6/2013 là 21.173 VND/USD.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính (thay thế cho Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính).

Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 45 năm
Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
Phần mềm vi tính	03 - 08 năm

6. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	02 - 05 năm
- Chi phí chờ phân bổ khác	03 năm
- Chi phí tiền thuê đất	49 năm
- Phần chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính	10 - 15 năm

7. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

11. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu cung cấp dịch vụ xử lý hàng hóa đối với các loại hàng hóa nội địa, hàng xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh và hàng chuyển cửa khẩu,.... được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê

Doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

12. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

13. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

14. Thuế

Công ty tự xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được thành lập từ dự án đầu tư (dự án đầu tư ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất) là: thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn 100% trong 4 năm đầu từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo (Năm 2013 là năm thứ 4 Công ty được miễn thuế). Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

15. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		30/6/2013	01/01/2013
Tiền mặt		942.209.903	1.186.900.086
Tiền gửi ngân hàng	(1.1)	10.564.441.484	1.107.682.483
Các khoản tương đương tiền	(1.2)	4.800.000.000	-
Cộng		16.306.651.387	2.294.582.569

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

(1.1) Bao gồm:	Ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng bằng VND		8.268.538.548
Tiền gửi ngân hàng bằng USD	108,435.41	2.295.902.936
Cộng		10.564.441.484

(1.2) Các khoản tiền gửi có thời gian thu hồi dưới 3 tháng tại ngân hàng, với lãi suất từ 7% /năm.

2. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/6/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng (2.1)	15.368.855.084	10.410.221.340
Trả trước cho người bán (2.2)	1.193.685.183	714.737.002
Phải thu khác	28.407.833	51.868.075
Cộng	16.590.948.100	11.176.826.417
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Cộng giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	16.590.948.100	11.176.826.417

(2.1) Chủ yếu bao gồm các khoản phải thu liên quan đến hoạt động dịch vụ ga hàng hóa. Trong đó, khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 87,857.05 USD tương đương với 1.860.197.320 đồng.

(2.2) Trong đó, khoản trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ là 45,458.15 USD tương đương với 969.802.3 đồng và 6,141 EUR tương đương với 173.827.146 đồng.

3. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2013	01/01/2013
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	424.316.772	579.414.466
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	30.968.524	-
Tài sản ngắn hạn khác (các khoản tạm ứng)	296.225.761	113.805.422
Cộng	751.511.057	693.219.888

(*) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	316.649.982	571.407.866
Chi phí bảo hiểm, chi phí khác chờ phân bổ	107.666.790	8.006.600
Cộng	424.316.772	579.414.466



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

4. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Số dư đầu năm	596.381.316.533	56.695.294.139	216.742.755.562	30.110.579.958	3.335.991.718	903.265.937.911
Tăng	677.788.762	230.675.360	514.300.000	-	-	1.422.764.122
Giảm	-	620.290.306	1.726.989.750	1.606.183.130	85.285.653	4.038.748.839
Phân loại	2.755.693.792	-	-	-	(2.755.693.792)	-
Số dư cuối kỳ	599.814.799.087	56.305.679.193	215.530.065.812	28.504.396.828	495.012.273	900.649.953.194
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	24.651.381.363	4.505.747.183	17.824.663.144	4.623.740.296	379.657.908	51.985.189.894
Tăng	8.553.532.640	2.134.681.815	8.175.949.051	1.770.584.483	118.996.456	20.753.744.445
Giảm	-	261.625.497	368.848.799	1.210.956.171	62.627.422	1.904.057.889
Phân loại	137.784.690	-	-	-	(137.784.690)	-
Số dư cuối kỳ	33.342.698.692	6.378.803.501	25.631.763.396	5.183.368.608	298.242.254	70.834.876.450
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	571.729.935.170	52.189.546.956	198.918.092.419	25.486.839.662	2.956.333.810	851.280.748.017
Số dư cuối kỳ	566.472.100.395	49.926.875.692	189.898.302.417	23.321.028.221	196.770.019	829.815.076.744

TSCĐ tăng trong kỳ do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành.

TSCĐ giảm trong kỳ do được phân loại sang công cụ, dụng cụ đối với những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng.

5. Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Số dư đầu năm	61.058.712.000	3.792.946.199	64.851.658.199
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	61.058.712.000	3.792.946.199	64.851.658.199
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.068.504.433	351.926.308	5.420.430.741
Tăng	2.566.835.550	189.647.300	2.756.482.850
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.635.339.983	541.573.608	8.176.913.591
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	55.990.207.567	3.441.019.891	59.431.227.458
Số dư cuối kỳ	53.423.372.017	3.251.372.591	56.674.744.608

Tài sản cố định thuê tài chính liên quan đến Hợp đồng cho thuê tài chính được thuyết minh chi tiết tại Mục 14.2(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

6. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm vi tính)

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá	15.186.805.383	-	62.243.098	15.124.562.285
Hao mòn lũy kế	1.954.179.323	964.231.959	36.143.452	2.882.267.830
Giá trị còn lại	13.232.626.060			12.242.294.455

TSCĐ vô hình giảm là do được phân loại sang chi phí trả trước dài hạn đối với những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu đồng.

7. Tài sản dài hạn khác

	30/6/2013	01/01/2013
Chi phí trả trước dài hạn	(7.1) 78.354.096.137	77.995.028.267
Tài sản dài hạn khác	(7.2) 3.448.765.000	3.448.765.000
Cộng	81.802.861.137	81.443.793.267

(7.1) Bao gồm:

	30/6/2013	01/01/2013
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.974.396.912	3.849.369.749
Giá trị tiền thuê đất	(*) 65.786.054.422	66.519.727.891
Phần chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính	7.299.043.574	7.612.783.405
Chi phí chờ phân bổ khác	294.601.230	13.147.222
Cộng	78.354.096.137	77.995.028.267

(*) Giá trị tiền thuê khu đất 14,3 ha tại số 6, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh (Nay là khu đất thuộc địa chỉ 30 Phan Thúc Duyện, quận Tân Bình, Tp. HCM), theo biên bản thỏa thuận góp vốn từ Công ty Sửa chữa Máy bay A41, với tổng chi phí thuê là 71.900.000.000 đồng. Công ty đang tiến hành phân bổ theo thời gian của dự án "Trung tâm Dịch vụ Hàng Hóa Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất" là 49 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (ngày 20/4/2009).

(7.2) Bao gồm:

	30/6/2013	01/01/2013
Ký quỹ thuê máy photocopy, thuê xe nâng	206.200.000	206.200.000
Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính	3.242.565.000	3.242.565.000
Cộng	3.448.765.000	3.448.765.000

8. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2013	01/01/2013
Nợ dài hạn đến hạn trả (Mục 14.2***)	31.819.597.664	17.291.574.400

9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	30/6/2013	01/01/2013
Phải trả người bán	(*) 4.313.551.818	54.649.406.139
Người mua trả tiền trước	1.155.327	1.031.916
Cộng	4.314.707.145	54.650.438.055

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

(*) Phải trả người bán bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
Công ty CP Xây dựng Cotec	-	37.505.111.693
Công ty Loedige Asia Ltd	-	4.260.197.652
Công ty Lufthansa (60,764.98 USD)	1.286.576.922	1.740.821.111
Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay A41	102.613.937	5.102.613.937
CN Tổng Công ty Cảng HK Việt Nam - Cảng HK Quốc tế TSN	2.002.821.619	3.442.976.913
Nhà cung cấp khác	921.539.340	2.597.684.833
Cộng	4.313.551.818	54.649.406.139
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/6/2013	01/01/2013
Thuế GTGT	831.257.226	507.448.286
Thuế Thu nhập cá nhân	108.243.750	-
Thuế nhà thầu	443.886	-
Cộng	939.944.862	507.448.286
11. Phải trả người lao động	30/6/2013	01/01/2013
Lương còn phải trả nhân viên	2.157.613.359	1.726.259.898
12. Chi phí phải trả	30/6/2013	01/01/2013
Chi phí lãi vay ngân hàng, lãi thuê tài chính còn phải trả	-	1.942.801.693
Lãi chậm thanh toán phải trả cho Cotecons (*)	3.208.083.052	3.211.960.052
Chi phí phải trả khác	1.924.092.127	1.914.989.568
Cộng	5.132.175.179	7.069.751.313
(*) Khoản lãi chậm thanh toán phải trả cho Công ty CP Xây dựng Cotec (Cotecons) theo Bản Thỏa Thuận ngày 29/02/2012 giữa Công ty và Cotecons, Công ty đang tính lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012 với lãi suất 1,5%/tháng. Công ty chưa tính lãi từ ngày 01/7/2012 đến thời điểm thanh toán hết công nợ (27/02/2013), do Công ty đang thỏa thuận về việc không phải tính lãi chậm thanh toán cho Cotecons.		
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/6/2013	01/01/2013
Kinh phí công đoàn	269.227.950	339.932.226
BHXH, BHYT, BHTN	516.126.360	-
Phải trả Công ty CP Hàng không Vietjet Air liên quan đến khoản tiền hỗ trợ chi phí đầu tư, thiết kế, trang bị và lắp đặt hạ tầng khai thác vận hành kho hàng nội địa.	900.000.000	1.500.000.000
Phải trả khác	11.030.130	7.194.963
Cộng	1.696.384.440	1.847.127.189

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

14. Nợ dài hạn		30/6/2013	01/01/2013
Phải trả dài hạn khác	(14.1)	5.717.342.855	3.781.772.286
Vay và nợ dài hạn	(14.2)	503.686.468.163	525.165.132.900
Doanh thu chưa thực hiện	(14.3)	51.725.020.191	57.365.641.192
Cộng		561.128.831.209	586.312.546.378

(14.1) Nhận đặt cọc, ký quỹ cho thuê văn phòng, cho thuê mặt bằng và phát hành vận đơn,...

(14.2) Bao gồm:		30/6/2013	01/01/2013
Nợ thuê tài chính	(*)	56.998.596.390	58.998.596.390
Vay dài hạn	(**)	478.507.469.437	483.458.110.910
Nợ dài hạn đến hạn trả	(***)	(31.819.597.664)	(17.291.574.400)
Cộng		503.686.468.163	525.165.132.900

(*) Nợ dài hạn liên quan đến hợp đồng thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) theo hai hợp đồng thuê:

Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC-SCSC ngày 27/12/2011, với số tiền được giải ngân là 49.726.525.357 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần, kỳ gốc đầu tiên trả vào tháng 02/2012. Sau khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá mua lại tối thiểu là 1 triệu đồng. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 30/6/2013 là **48.626.525.357 đồng**.

Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC1-SCSC ngày 01/02/2012, với số tiền được giải ngân là 10.272.071.033 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần. thời gian ân hạn: 0 tháng. Sau khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá mua lại tối thiểu là 1 triệu đồng. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 30/6/2013 là **8.372.071.033 đồng**.

(**) Vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch theo 3 hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 60866429 ngày 15/6/2009 với hạn mức tín dụng được cấp là 480.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng, lãi suất tại ngày 30/6/2013 đối với VND là 12% và với USD là 7%/năm, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa - Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa với trị giá ước tính 630 tỷ đồng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay với tổng trị giá ước tính 266 tỷ đồng. Dư nợ vay tại ngày 30/6/2013 là **353.981.546.280 đồng** và **3.526.868.68 USD** tương đương 74.674.390.562 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 97705549 ngày 06/10/2010 với hạn mức được cấp là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn vay đến hết ngày 25/6/2019; lãi suất tại ngày 30/6/2013 đối với VND là 12% và với USD là 7%/năm, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là: đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất với giá trị ước tính là 630 tỷ đồng; Máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay (01 xe nâng Dầu Diesel Komatsu, 111 xe nâng hàng Dolly/Trolley, 06 chiếc xe nâng) với tổng trị giá ước tính là 10.707.000.000 đồng. Dư nợ vay tại ngày 30/6/2013 là **7.074.804.646 đồng** và **1,406,353.75 USD** tương đương 29.776.727.949 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số SGD.DN.02200911 ngày 27/9/2011 với hạn mức được cấp không vượt quá 52.653.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng; lãi suất tại ngày 30/6/2013 là 12%/năm. Mục đích vay là: theo từng kế ước nhận nợ (thanh toán lương và các chi phí thường xuyên). Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất với trị giá ước tính là 630 tỷ đồng; hệ thống máy soi chiếu với trị giá ước tính là 43.960.000.000 đồng; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với trị giá ước tính là 232.792.000.000 đồng. Dư nợ vay tại ngày 30/6/2013 là **13.000.000.000 đồng**.

(***) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(5.500.000.000)	(4.000.000.000)
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	(26.319.597.664)	(13.291.574.400)
Cộng	(31.819.597.664)	(17.291.574.400)

(14.3) Bao gồm:	30/6/2013	01/01/2013
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến việc cho Tổng Công ty Hàng không miền Nam thuê sân đậu máy bay	50.512.000.002	56.212.000.002
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.213.020.189	1.153.641.190
Cộng	51.725.020.191	57.365.641.192

15. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	425.000.000.000	55.000.000.000	-	480.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	644.128.916	-	-	644.128.916
Quỹ dự phòng tài chính	460.428.661	-	-	460.428.661
Lợi nhuận (lỗ) chưa phân phối	(72.888.725.518)	353.429.481	-	(72.535.296.038)
Cộng	353.215.832.059	55.353.429.483	-	408.569.261.539

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009937 ngày 08/4/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/6/2013, vốn điều lệ của Công ty là 480 tỷ đồng, chia thành 48.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) bao gồm: 40.810.000 cổ phần phổ thông và 7.190.000 cổ phần ưu đãi cổ tức.

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Đăng ký kinh doanh		Vốn góp thực tế tại ngày 30/6/2013	
	Số tiền	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Số tiền
Cụm cảng Hàng không miền Nam	75.000.000.000	16%	16%	75.000.000.000
Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	69.000.000.000	14%	29%	141.250.000.000
Công ty Sửa chữa Máy bay A41 (*)	72.000.000.000	15%	15%	72.025.000.000
Công ty Đầu tư Nam Phú Quốc tế	33.000.000.000	7%	11%	53.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Á Châu	27.000.000.000	6%	13%	63.750.000.000
Công ty CP Sóng Việt	24.000.000.000	5%	0%	-
Ngân hàng TMCP Việt Á			5%	25.000.000.000
Các cổ đông khác	180.000.000.000	38%	10%	49.975.000.000
Cộng	480.000.000.000	100%	100%	480.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

(*) Tổng trị giá góp vốn của Công ty Sửa chữa Máy bay A41 là 72.025.000.000 đồng, bao gồm: 125.000.000 đồng (tương đương 12.500 cổ phần phổ thông) góp bằng tiền mặt và 71.900.000.000 đồng (tương đương 7.190.000 cổ phần ưu đãi cổ tức) góp bằng giá trị tiền thuê 14,3 ha đất tại số 06, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp. HCM (Nay là khu đất tại địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM) theo Quyết định số 544/QĐ-TL của Bộ Tư Lệnh PK-KQ ngày 03/4/2008. Công ty chưa tích lũy cổ tức phải trả liên quan đến cổ phần ưu đãi cổ tức do HĐQT Công ty chưa quyết định được tỷ lệ trích lập.

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu		
Doanh thu khai thác nhà ga	79.345.364.053	42.177.561.464
Doanh thu cho thuê sân đậu máy bay	5.805.286.782	5.819.432.274
Doanh thu cho thuê văn phòng, bãi đậu xe, sân bóng,... và các dịch vụ liên quan	11.313.990.015	8.049.114.334
Doanh thu khác	15.710.000	37.300.774
Cộng	96.480.350.850	56.083.408.846
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	96.480.350.850	56.083.408.846
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn khai thác nhà ga	27.274.462.349	31.834.527.304
Giá vốn cho thuê sân đậu máy bay	1.063.626.500	3.209.836.685
Giá vốn từ hoạt động cho thuê văn phòng, bãi đậu xe, sân bóng,... và các dịch vụ liên quan	2.632.073.819	1.600.269.828
Giá vốn khác	96.849.564	57.096.266
Cộng	31.067.012.232	36.701.730.083
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	263.160.978	74.544.346
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	4.961.122
Cộng	263.160.978	79.505.468
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	29.074.428.488	41.988.635.514
Chi phí lãi thuê tài chính	3.764.122.145	5.151.037.514
Chi phí lãi chậm thanh toán phải trả cho Coteccons	-	3.211.960.052
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	10.951.275
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.705.298.758	1.599.738.700
Cộng	34.543.849.391	51.962.323.055

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	8.669.473.414	6.775.472.928
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	2.839.399.787	2.833.916.648
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.738.043.788	5.235.056.340
Thuế, phí và lệ phí	102.402.130	13.847.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.219.008.101	941.978.420
Chi phí khác bằng tiền	5.973.992.994	3.759.535.229
Cộng	30.542.320.214	19.559.807.379
6. Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	11.104.197.768
Thu nhập từ khoản công nợ không phải trả	336.372.200	-
Thu nhập khác	28.807.276	796.997.066
Cộng	365.179.476	11.901.194.834
7. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	10.906.034.937
Thù lao HĐQT và BKS	135.000.000	81.000.000
Chi phí khác	467.079.987	170.447.726
Cộng	602.079.987	11.157.482.663
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	353.429.481	(51.317.234.032)
<i>Cộng các khoản điều chỉnh tăng</i>	586.459.118	1.851.186.426
<i>Chuyển lỗ kỳ này</i>	(939.888.599)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ này	-	(49.466.047.606)
Thuế TNDN phải nộp ước tính	-	-
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.986.228.701	3.147.656.479
Chi phí nhân công	18.261.693.980	14.417.936.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.474.459.254	30.309.692.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.236.059.412	4.343.694.670
Chi phí khác	7.250.502.951	3.830.479.309
Cộng	61.208.944.298	56.049.459.176

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

VII. Thông tin khác

1. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Hội đồng Quản trị		Chi thù lao	(135.000.000)
Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	Cổ đông	Góp vốn	55.000.000.000
Công ty Sửa chữa Máy bay A41	Cổ đông	Chuyển tiền hỗ trợ di dời	(5.000.000.000)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu/(Phải trả)
Cụm cảng Hàng không miền Nam	Cổ đông	Phải trả	(82.582.406)
Công ty Sửa chữa Máy bay A41	Cổ đông	Phải trả	(102.613.937)

2. Quản lý rủi ro tài chính

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	Tại ngày 30/6/2013	
	USD	Tương đương VND
Tài sản tài chính		
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	108,435.41	2.295.902.936
Phải thu khách hàng	87,857.05	1.860.197.320
Tổng cộng	196,292.46	4.156.100.256

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Nợ tài chính	Tại ngày 30/6/2013	
	USD	Tương đương VND
Phải trả người bán	60,764.98	1.286.576.922
Vay và nợ dài hạn	4,933,222.43	104.451.118.511
Tổng cộng	4,993,987.41	105.737.695.433
Mức rủi ro tiền tệ	(4,797,694.95)	(101.581.595.177)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho thời kỳ tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (5.079.079.759) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Rủi ro giá

Công ty không có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty nên Công ty không chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất đối với Việt Nam Đồng (VND) là tăng/(giảm) 2% thì:

Tại ngày 30/6/2013

Tài sản có lãi suất	
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	4.800.000.000
Tổng	4.800.000.000

Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 96.000.000 đồng (A).

Nợ phải trả có lãi suất	Tại ngày 30/6/2013
Các khoản vay	535.506.065.827
Tổng	535.506.065.827

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 10.710.121.317 đồng (B).

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (A) - (B) = (10.614.121.317) đồng.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 15.397.262.917 đồng.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị: không có

c. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong thời kỳ tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	31.819.597.664	503.686.468.163	535.506.065.827
Phải trả người bán	4.313.551.818	-	4.313.551.818
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	939.944.862	-	939.944.862
Phải trả người lao động	2.157.613.359	-	2.157.613.359
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	6.828.559.619	5.717.342.855	12.545.902.474
Tổng cộng	46.059.267.322	509.403.811.018	555.463.078.340

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là khá cao. Việc tiếp cận các nguồn vốn cần thiết của Công ty từ bên ngoài là khá hạn chế.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, và Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất (thuyết minh tại Mục số 14.2 - Phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

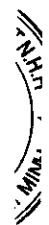
Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

3. Các cam kết khác

Theo Công văn số 657/Cty.TC ngày 10/02/2012 của Công ty Sửa chữa Máy bay A41 - Bộ Quốc Phòng thì Công ty phải phân phối một khoản lợi nhuận cố định hàng năm cho Công ty Sửa chữa Máy bay A41 được tính từ năm 2013. Theo Công văn số SCSC13/A41/CV/319 ngày 20/7/2013 của Công ty gửi Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, Công ty đang thỏa thuận về việc tính lợi nhuận từ năm 2012 và thanh toán lợi nhuận từ năm 2014 (lợi nhuận cố định hàng năm là 1,242,236.00 USD). Tính đến ngày 30/6/2013, Công ty vẫn chưa tích lũy khoản lợi nhuận phải trả nào cho Công ty Sửa chữa Máy bay A41. Việc quyết toán cụ thể khoản lợi nhuận phân phối sẽ được hai bên bàn bạc và thương lượng.

Theo Thỏa thuận nguyên tắc thành lập Công ty ngày 17/8/2008, Công ty Sửa chữa Máy bay A41 góp 72 tỷ đồng gồm: 71,9 tỷ đồng bằng tiền thuê 14,3 ha đất quốc phòng tại số 6, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh (Nay là khu đất thuộc địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM) theo giá quy định hiện hành của Nhà nước, ổn định trong 15 năm, 05 tháng đầu / thời hạn 49 năm của dự án và 100 triệu bằng tiền mặt. Hiện tại, Công ty vẫn đang phân bổ tiền thuê khu đất này tương ứng với 49 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

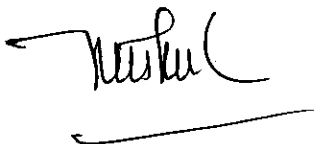
4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty đang có các văn bản gửi Công ty Sửa chữa Máy bay A41 và Quân chủng Phòng không – Không quân về việc gia hạn thời gian bắt đầu tính lợi nhuận phải trả cho Công ty Sửa chữa Máy bay A41.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TP HCM, ngày 05 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu


Ngô Chi Anh Chue

Kế toán trưởng


Lê Xuân Lộc

Tổng Giám Đốc


Nguyễn Quốc Khánh